**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ TUY HÒA**
**TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2018/DS– ST
Ngày: 31/01/2018
*V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Vũ Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Trọng Khá;
2. Bà Đào Thị Ngâm;

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Thư ký Toà án.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLST – DS ngày 28/3/2017 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2017/QĐXXST – DS ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

*1/Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964;* Trú tại: nn THĐ, phường m, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

*2/Bị đơn: Bà Kiều Thị Ánh Ng – sinh năm 1964;* Trú tại: mmm/nn NCT, phường s, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2012, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn bà Kiều Thị Ánh Ng trả nợ theo các Giấy vay tiền ngày 11/6/2011 (số tiền vay 1.500.000đ); Giấy vay tiền ngày 14/12/2010 (số tiền vay 1.500.000đ); Giấy vay tiền ngày 28/11/2010 (số tiền vay 1.050.000đ). Yêu cầu bà Ng trả tiền lãi theo lãi suất vay 1,125% từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ. Tại biên bản giao nhận "thông báo thời gian xét xử" ngày 26/01/2018, nguyên đơn yêu cầu bị đơn "trả lãi theo quy định của pháp luật, sau khi có bản án lãi tính theo Bộ luật dân sự 2015".

- Bị đơn bà Kiều Thị Ánh Ng vắng mặt không trình bày.

**Tại phiên tòa:**

-Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt ghi tại Biên bản giao nhận "thông báo thời gian xét xử" ngày 26/01/2018.

-Bị đơn vắng mặt.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn không tuân thủ quy định của BLTTDS nên phải chịu hậu quả pháp lý.

+ Về nội dung vụ án: áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, 305 BLDS 2005, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc cho nguyên đơn 3.000.000đ (giấy vay ngày 14/12/2010, giấy vay ngày 11/6/2011), , lãi theo lãi suất 0,75%/tháng từ ngày vay tiền ngày 14/12/2010 đến ngày xét xử và lãi theo lãi suất 1,125%/tháng từ ngày vay tiền ngày 11/6/2011 đến ngày xét xử; bác yêu cầu số tiền gốc 1.050.000đ (giấy vay ngày 28/11/2010 vì không phải là giấy gốc) và tiền lãi vượt quá yêu cầu được chấp nhận. Về án phí: Bị đơn và nguyên đơn chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kiều Thị Ánh Ng đã được Tòa triệu tập hợp lệ tại địa chỉ do bị đơn cung cấp nhưng vắng mặt, theo kết quả xác minh tại Công an phường 6, thành phố Tuy Hòa vào ngày 16/8/2017 thì bị đơn đã đi khỏi địa phương từ khoảng 03 – 04 năm trước, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S vắng mặt có ghi yêu cầu giải quyết vắng mặt vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, căn cứ các Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3]Về nợ gốc: Theo Giấy mượn tiền ngày 14/12/2010, bà Kiều Thị Ánh Ng vay của bà Hồ Thị Thanh S số tiền 1.500.000 đồng, không thỏa thuận lãi, không hẹn ngày trả nợ; Theo Giấy mượn tiền ngày 11/6/2011, bà Ng vay tiếp 1.500.000đ, lãi suất 5%/tháng, không hẹn ngày trả nợ). Tuy nhiên, đến ngày xét xử 31/01/2018, bà Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không cung cấp chứng cứ gì chứng minh việc mình đã trả nợ cho bà S, do đó, yêu cầu của bà S là có căn cứ chấp nhận, hợp đồng vay giữa các đương sự được xác lập và thực hiện từ năm 2010, 2011 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 688

BLDS 2015 và áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478 BLDS 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc theo 02 giấy vay nói trên là **3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*;**

[4]Về yêu cầu tính lãi: **Đối với giấy nhận nợ vay tiền ngày 14/12/2010:** Các bên không thỏa thuận về lãi nhưng có nội dung "mỗi ngày sẽ cam kết đóng tiền đầy đủ" nên là hợp đồng vay có kỳ hạn (góp hàng ngày) không lãi nên việc bà Ng không góp tiền cho bà S là vi phạm hợp đồng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà S tính lãi theo lãi suất cơ bản 9%/năm (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010) = 0,75%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 31/01/2018 = (1.500.000đ x 0,75%/tháng) x 07 năm 01 tháng 17 ngày = 962.625đ. **Đối với giấy nhận nợ vay tiền ngày 11/6/2011:** các bên thỏa thuận lãi 5%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS 2005 nên chấp nhận tiền lãi bằng 150% lãi suất cơ bản 9%/năm = 1,125%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 31/01/2018 = (1.500.000 x 1,125%/tháng) x 6 năm 7 tháng 20 ngày = 1.344.375đ. **Tổng cộng hai khoản lãi là 2.307.000đ *(Hai triệu ba trăm lẻ bảy đồng).***

[**5]Đối với giấy nhận nợ vay tiền ngày 28/11/2010 (có thỏa thuận lãi 6%/tháng, trả góp 35 ngày):** Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/5/2017, Tòa thông báo cho bà S nộp chứng cứ gốc (bà S nhận thông báo vào ngày 10/5/2017) nhưng đến ngày 05/12/2017 bà S chỉ nộp 02 chứng cứ gốc là Giấy nhận nợ vay tiền ngày 14/12/2010 và Giấy nhận nợ vay tiền ngày 11/6/2011, còn Giấy nhận nợ vay tiền ngày 28/11/2010 bà S không nộp bản gốc, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà S đòi nợ gốc 1.050.000đ và tiền lãi tính 1,125%/tháng từ ngày vay 28/11/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/01/2018 = (1.050.000 x 1,125%/tháng) x 07 năm 02 tháng 03 ngày = 1.017.000đ => Tổng cộng = 2.067.000đ đối với khoản vay trên.

[6]Đối với yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S ghi tại Biên bản giao nhận "thông báo thời gian xét xử" ngày 26/01/2018 nội dung "bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật, sau khi có bản án lãi tính theo Bộ luật dân sự 2015", căn cứ quy định tại Điều 688 BLDS 2015, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 mà áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 về trách nhiệm do chậm trả tiền của bị đơn với nội dung "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".

[7]Về án phí: Bị đơn, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476, 478, 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

**Tuyên xử:**

[1]Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2012, buộc bị đơn bà Kiều Thị Ánh Ng trả số tiền 5.307.000đ *(Năm triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng)* (trong đó nợ gốc 3.000.000đ, tiền lãi 2.307.000đ).

[2]Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Thanh S đối với khoản nợ 2.067.000đ *(Hai triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)* (trong đó gốc 1.050.000đ, lãi 1.017.000đ).

[3]Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 01/02/2018), nếu bị đơn chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4]Về án phí: Bị đơn bà Kiều Thị Ánh Ng phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền số 04680 ngày 22/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa nên còn phải nộp 150.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
*-VKSND thành phố Tuy Hòa*
*-TAND tỉnh Phú Yên*
*-Các đương sự*
*-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa*
*-Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Hà**